

Bản tin Phân tích kỹ thuật

29/05/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 tăng điểm từ đầu ngày, đóng cửa trên đường MA20 thể hiện sự lấn át của đà tăng đến cuối phiên. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua trên 4111G6000 quanh 2.003 điểm, mục tiêu tại 2.013 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.000 điểm .

Chiến lược:

- Mua (B): 2.003 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.013 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.000 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

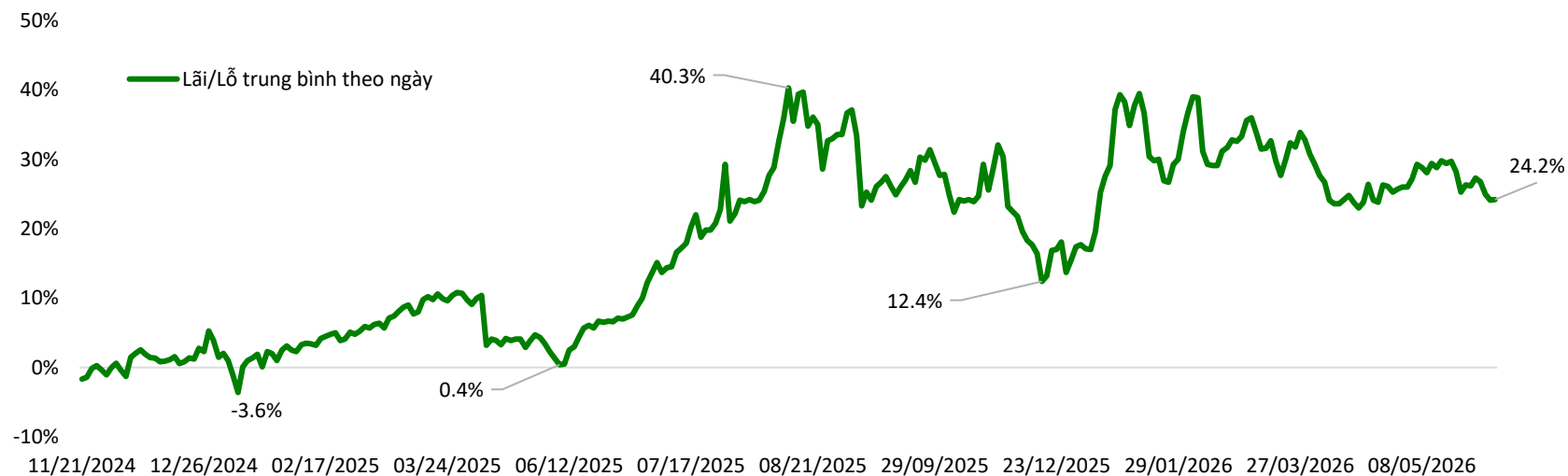


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán thuyên giảm khi VN-Index tiếp cận vùng hỗ trợ 1.840–1.850 điểm. Cụ thể, lực bán tại nhóm Bất động sản, Chứng khoán, Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng đều được tiết chế ở mức thấp. Tuy nhiên, lực cầu trong phiên 29/05 vẫn khá mờ nhạt, dù chỉ số đang dao động quanh vùng hỗ trợ ngắn hạn.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index tiếp tục vận động dưới MA5 và MA20, cho thấy quán tính giảm vẫn chiếm ưu thế và giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn chưa kết thúc. Trong phiên 01/06, vùng 1.840–1.850 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ gần, trong khi kháng cự ngắn hạn nằm quanh 1.875 điểm.
- Đánh giá tổng quan, thanh khoản thấp cho thấy trạng thái do dự của cả bên mua và bên bán. Dù áp lực bán đã hạ nhiệt, lực cầu vẫn chỉ ở mức thăm dò ngay cả khi VN-Index tiếp cận vùng giá thấp. Do đó, tín hiệu tạo đáy chỉ được củng cố khi lực mua cải thiện rõ hơn quanh vùng hỗ trợ 1.840–1.850 điểm. Khuyến nghị tạm ngưng mở mới hoặc chỉ duy trì tỷ trọng ở mức thăm dò.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	46,950	47,500	-1.2%	46,000	53,600		
VPL	07/05/2026		Đang mở	93,500	88,000	6.3%	88,000	105,000	90,000	
VCB	28/05/2026	29/05/2026	Dừng lỗ	62,000	63,500	-2.4%	62,000	70,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	87,400	6.98%	2.94%	210,892	0.711	4,808	3.1	18.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	156,000	-1.08%	1.43%	640,756	-0.334	15,766	2.4	9.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VCB	62,000	-1.27%	-2.36%	518,052	-0.319	4,301	2.2	14.4	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BSR	29,750	4.39%	0.17%	148,967	0.316	2,612	2.2	11.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	135,000	3.45%	3.53%	174,752	0.291	5,341	10.2	25.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VIC	211,300	0.24%	-2.40%	1,628,284	0.187	1,506	11.0	140.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	42,000	-1.18%	-2.33%	305,763	-0.174	4,392	1.7	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	102,100	-5.29%	-6.16%	65,395	-0.167	5,285	8.5	19.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPL	93,500	1.85%	0.11%	167,674	0.150	1,405	4.4	66.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
LPB	52,000	-1.89%	-2.26%	155,339	-0.142	3,738	3.1	13.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	34,900	1.60%	-1.13%	139,600	0.108	1,572	2.4	22.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	41,000	3.93%	-2.26%	52,094	0.099	1,400	2.1	29.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	76,300	-1.80%	-3.90%	112,041	-0.098	5,552	3.2	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,100	-0.73%	1.12%	215,009	-0.076	3,314	1.2	8.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
SSB	14,000	-3.11%	1.04%	48,003	-0.072	912	1.2	15.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	93,800	9.96%	12.88%	84,400	5.742	14,074	4.8	6.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	122,200	9.99%	60.79%	47,047	3.209	271	10.6	450.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,100	3.87%	3.21%	17,199	0.455	491	1.6	32.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	11,200	5.66%	-0.85%	7,647	0.296	1,228	0.8	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
NVB	11,400	0.88%	5.56%	21,941	0.133	43	1.6	263.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIT	24,800	-9.82%	-5.34%	1,706	-0.114	1,633	2.0	15.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CEO	16,000	-1.84%	-4.19%	9,079	-0.114	354	1.5	45.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	156,200	-0.51%	-2.38%	31,240	-0.109	13,090	5.2	11.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PVS	39,000	0.78%	-2.26%	19,945	0.106	3,781	1.3	10.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	16,200	2.53%	3.18%	5,670	0.098	1,382	1.1	11.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	93,100	-0.43%	-1.17%	284,490	-0.336	3,657	6.4	25.6	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VCR	36,000	-14.08%	0.84%	7,560	-0.294	-496	5.1	-72.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	81,400	1.50%	-1.57%	59,465	0.246	4,791	5.1	16.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MVN	61,000	-0.81%	-1.29%	72,595	-0.163	1,955	4.9	30.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	15,100	2.72%	-3.21%	15,431	0.116	892	1.4	16.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TSJ	35,900	-13.91%	3.46%	2,669	-0.103	1,361	3.0	26.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
F88	162,100	1.95%	10.42%	17,889	0.096	6,543	7.3	24.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCV	140,000	-7.89%	-3.45%	4,368	-0.095	0	0.0	0.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	47,600	-1.86%	-2.06%	17,605	-0.090	5,212	1.6	9.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
FIC	21,500	12.57%	4.59%	2,510	0.087	987	1.5	20.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

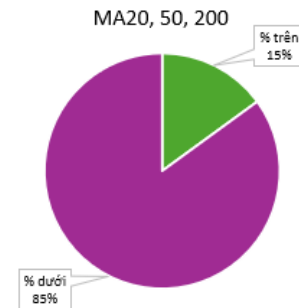
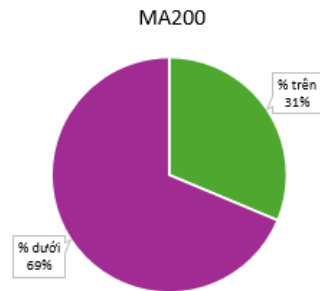
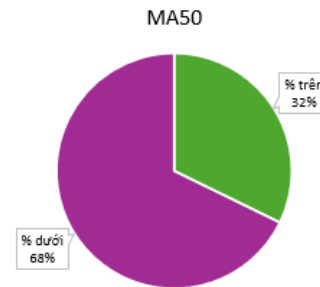
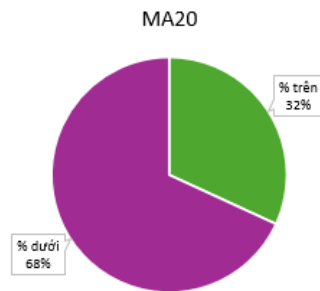
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NAF	53,600	0.8%	43.7	30.3	19,637	53,300	3.9	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAN	23,500	0.2%	15.1	7.0	18,000	23,450	1.6	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AMS	10,500	5.0%	7.6	1.4	6,900	10,300	0.7	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	46,500	-2.3%	91.4	136.5	47,600	103,379	1.1	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	21,500	-0.7%	22.7	41.2	21,650	31,262	1.0	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	51,100	-1.0%	12.2	6.4	51,200	63,117	2.9	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,650	-6.8%	115.0	19.3	24,300	38,633	1.3	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	24,700	-2.8%	12.0	8.6	25,400	38,900	1.7	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,280	-1.5%	5.1	9.3	5,350	10,400	0.4	25.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,020	-0.6%	16.5	27.5	5,050	8,700	0.4	33.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	29,250	-2.2%	5.8	14.0	29,900	43,050	1.5	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	8,980	-2.5%	15.4	7.9	9,150	14,954	0.9	30.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	15,000	-1.0%	9.6	11.0	15,150	22,250	0.6	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,300	-5.5%	26.1	20.0	6,670	12,650	0.6	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,800	2.1%	27.2	4.2	1,400	8,100	-1.7	-1.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
UNI	7,600	-1.3%	10.1	0.3	7,400	11,500	0.8	-335.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
ITD	15,950	0.3%	59.8	2.2	11,831	17,150	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,650	-6.8%	115.0	19.3	24,300	38,633	1.3	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	93,800	10.0%	56.7	7.0	62,700	101,000	4.8	6.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
YEG	8,980	-2.5%	15.4	7.9	9,150	14,954	0.9	30.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			29/05/2026	28/05/2026	27/05/2026	26/05/2026	25/05/2026	22/05/2026	21/05/2026	20/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	26%	26%	25%	26%	25%	26%	26%	26%
		Dưới	74%	74%	75%	74%	75%	74%	74%	74%
	MA50	Trên	36%	34%	38%	37%	33%	32%	34%	32%
		Dưới	64%	66%	62%	63%	67%	68%	66%	68%
	MA20	Trên	29%	31%	36%	31%	26%	29%	28%	27%
		Dưới	71%	69%	64%	69%	74%	71%	72%	73%
VN30	MA200	Trên	47%	47%	43%	47%	43%	47%	47%	47%
		Dưới	53%	53%	57%	53%	57%	53%	53%	53%
	MA50	Trên	57%	57%	70%	70%	60%	50%	60%	57%
		Dưới	43%	43%	30%	30%	40%	50%	40%	43%
	MA20	Trên	30%	33%	47%	40%	30%	33%	37%	43%
		Dưới	70%	67%	53%	60%	70%	67%	63%	57%
HNX	MA200	Trên	31%	31%	32%	33%	33%	33%	32%	32%
		Dưới	69%	69%	68%	67%	67%	67%	68%	68%
	MA50	Trên	32%	32%	36%	37%	35%	36%	35%	36%
		Dưới	68%	68%	64%	63%	65%	64%	65%	64%
	MA20	Trên	31%	31%	32%	33%	33%	33%	32%	32%
		Dưới	69%	69%	68%	67%	67%	67%	68%	68%
UPCOM	MA200	Trên	33%	32%	32%	32%	31%	33%	30%	29%
		Dưới	67%	68%	68%	68%	69%	67%	70%	71%
	MA50	Trên	32%	31%	31%	32%	31%	31%	31%	30%
		Dưới	68%	69%	69%	68%	69%	69%	69%	70%
	MA20	Trên	34%	34%	34%	35%	35%	34%	35%	34%
		Dưới	66%	66%	66%	65%	65%	66%	65%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 5																			
	15	29 +	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07	06	05	04
1	Ngân hàng	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57	54	53	53
2	Tài nguyên Cơ bản	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61	55	53	54
3	Dịch vụ tài chính	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52	43	38	35
4	Du lịch và Giải trí	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59	57	54	55
5	Thực phẩm và đồ uống...	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55	53	49	52
6	Điện, nước & xăng d...	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40	37	35	32
7	Ô tô và phụ tùng	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48	45	46	39
8	Hàng & Dịch vụ Côn...	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52	53	53	51	48	46
9	Hóa chất	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55	52	51	44
10	Bất động sản	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65	63	63	64
11	Xây dựng và Vật liệu	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53	54	53	56
12	Dầu khí	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46	50	43	27
13	Bán lẻ	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46	44	42	40
14	Công nghệ Thông tin	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17	19	17	20
15	Hàng cá nhân & Gia ...	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38	33	34	36

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	24,900	1.0%	9.0%	127,903	1.3	7.9	3,167	420.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	93,800	10.0%	12.9%	84,400	4.8	6.7	14,074	56.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	15,300	1.3%	6.3%	47,736	1.1	8.1	1,884	484.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,600	0.6%	2.0%	21,643	1.2	4.9	3,193	7.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	162,100	1.9%	10.4%	17,889	7.3	24.8	6,543	23.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	36,700	0.8%	3.8%	3,545	1.5	7.8	4,707	7.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	53,600	0.8%	2.1%	3,279	3.9	17.7	3,033	43.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAN	23,500	0.2%	30.6%	1,528	1.6	21.3	1,103	15.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	18,100	1.7%	0.0%	1,119	1.5	21.9	828	10.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AMS	10,500	5.0%	10.5%	616	0.7	8.4	1,229	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	156,000	-1.1%	1.4%	640,756	2.4	9.9	15,766	885.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPI	62,300	0.3%	5.2%	19,939	3.8	72.1	865	113.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TVN	11,500	-3.4%	8.5%	7,726	0.9	12.6	907	17.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	49,150	0.6%	1.8%	5,245	2.2	17.8	2,758	37.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	87,400	7.0%	2.9%	210,892	3.1	18.2	4,808	268.9	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDC	50,000	-0.8%	3.3%	14,490	2.1	23.8	2,100	33.5	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
POM	4,800	2.1%	0.0%	1,361	-1.7	-1.6	-3,077	27.2	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VPL	93,500	1.9%	0.1%	167,674	4.4	66.6	1,405	67.6	Tích cực	5.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BSR	29,750	4.4%	0.2%	148,967	2.2	11.4	2,612	417.8	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHR	67,300	0.1%	0.4%	9,119	2.1	13.8	4,885	11.2	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FRT	130,200	-0.6%	0.7%	22,173	5.0	24.3	5,368	26.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	20,000	-1.0%	-2.4%	7,487	1.5	27.4	731	60.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	21,700	-1.6%	-2.9%	5,778	1.6	5.4	3,992	10.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,650	-6.8%	-8.3%	4,077	1.3	17.3	1,309	115.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	24,700	-2.8%	-4.3%	2,729	1.7	13.7	1,805	12.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,280	-1.5%	-1.3%	2,274	0.4	25.9	204	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,020	-0.6%	-0.6%	2,256	0.4	33.8	149	16.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	29,250	-2.2%	-4.1%	1,975	1.5	14.8	1,971	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	9,130	-0.5%	-0.9%	1,886	0.7	13.0	705	9.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	20,000	-2.2%	-2.9%	1,260	0.8	8.8	2,286	11.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,300	-5.5%	-23.9%	672	0.6	8.2	772	26.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,800	-0.1%	0.0%	270,290	1.4	7.1	4,906	290.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,000	0.0%	0.2%	202,632	1.5	9.6	2,499	393.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,000	0.0%	1.4%	201,375	1.4	7.3	3,442	204.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	76,300	-1.8%	-3.9%	112,041	3.2	13.7	5,552	601.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	74,700	-1.1%	-1.7%	108,010	3.0	22.9	3,268	273.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,500	-0.2%	-0.2%	68,505	1.7	12.8	2,153	324.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
EIB	21,300	-0.2%	0.5%	39,676	1.5	53.1	401	89.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
KBC	30,500	-0.3%	-3.2%	28,724	1.2	17.8	1,714	78.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	24,650	-1.4%	-1.4%	28,289	1.6	18.8	1,314	156.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,800	-2.48%	-6.35%	25,500	110.7%	(143)	1.0	-82.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	46,500	-2.31%	-4.12%	91,200	91.6%	6,911	1.1	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,550	-1.96%	1.58%	42,600	85.2%	1,077	1.4	20.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SZC	22,650	-6.79%	-8.30%	42,400	74.5%	1,309	1.3	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,400	-0.56%	3.53%	45,800	72.5%	1,599	1.0	16.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TV2	29,250	-2.17%	-4.10%	49,000	63.9%	1,971	1.5	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	71,600	0.56%	-3.35%	116,600	63.8%	5,691	3.1	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGC	42,300	-1.05%	-1.63%	66,800	56.3%	2,896	2.1	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,650	-1.01%	0.34%	23,100	56.1%	1,676	0.7	8.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	39,000	0.78%	-2.26%	60,000	55.0%	3,781	1.3	10.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,400	-1.68%	1.08%	36,200	52.1%	1,798	1.3	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,800	0.93%	-1.36%	31,900	47.7%	(99)	1.4	-221.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,000	0.00%	0.19%	35,400	47.5%	2,499	1.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,000	0.00%	1.42%	36,000	44.0%	3,442	1.4	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,800	-0.14%	0.00%	50,000	43.5%	4,906	1.4	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	22,200	1.37%	-4.10%	30,800	40.6%	2,433	1.2	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACG	34,100	4.28%	0.29%	45,800	40.1%	3,521	1.2	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MCH	135,000	3.45%	3.53%	181,700	39.2%	5,341	10.2	25.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPB	27,100	-0.73%	1.12%	38,000	39.2%	3,314	1.2	8.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
KBC	30,500	-0.33%	-3.17%	42,500	38.9%	1,714	1.2	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn